

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 702/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06/4/2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng.

2. Bà Nguyễn Thị Lượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền Lương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bá Thu Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 794/2020/TLST-HNGĐ ngày 11/8/2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 713/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị N, sinh năm 1973 (Có đơn xin vắng mặt)

Thường trú: Số A đường số B, tổ C, Khu phố D, phường E, thành phố F, Thành phố Hồ Chí Minh

Tạm trú: Số G đường số H, Khu phố D, phường E, thành phố F, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thế L, sinh năm 1967 (Vắng mặt)

Thường trú: Số A đường số B, tổ C, Khu phố D, phường E, thành phố F, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn bà Võ Thị N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thế L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 95, quyển số 0II/94 ngày 06/04/1994 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thủ Đức, huyện Thủ Đức (nay là:

Ủy ban nhân dân phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau kết hôn, vợ chồng bà chung sống tại địa chỉ: Số A đường số B, tổ C, Khu phố D, phường E, thành phố F, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, lối sống dẫn đến tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nguyên nhân làm phát sinh mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng là do ông L hay nhậu nhẹt, về nhà kiếm chuyện chửi bới, đánh đập bà. Thực tế hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 2/2019. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn ông L.

- Về con chung: Bà và ông Nguyễn Thế L có 01 con chung đã thành niên tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 07/8/1996.

- Về tài sản chung: Bà Võ Thị N xác định không có.

- Về nợ chung: Bà Võ Thị N xác định không có.

* Ông Nguyễn Thế L đã được Toà án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại Toà án nhưng đều vắng mặt nên Toà án không thể lấy lời khai của bị đơn được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được công khai tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được xem xét tại phiên tòa cùng lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn. Bị đơn ông Nguyễn Thế L có nơi cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Thế L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thế L.

Bà Võ Thị N có đơn xin vắng mặt, không tham gia phiên tòa. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị N và ông Nguyễn Thế L tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Thủ Đức, huyện Thủ Đức (nay là: Ủy ban nhân dân phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 95, quyển số 0II/94 ngày 06/04/1994. Do đó, căn cứ Luật hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà N là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn ông Nguyễn Thế L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có thể khẳng định mâu thuẫn gia đình của ông L và bà N đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Giữa ông L và bà N không tồn tại tình cảm vợ chồng, không có sự yêu thương, quan tâm, chia sẻ và cùng nhau thực hiện các công việc trong gia đình do hai người không còn sống chung với nhau. Bản thân ông L cũng không thể hiện thiện chí trong việc muốn duy trì quan hệ hôn nhân vì ông đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng tại Tòa nhưng đều vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà N. Vì vậy, để ổn định cuộc sống cho các bên đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc được ly hôn ông Nguyễn Thế L.

2. Về con chung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cùng lời khai của bà N thể hiện bà và ông L có 01 con chung đã thành niên tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 07/8/1996. Do người con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết quan hệ về con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Võ Thị N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề tài sản chung.

4. Về nợ chung: Bà Võ Thị N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về nợ chung.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị N phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 19, 55, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Thế L.

- Về con chung: Do người con chung Nguyễn Minh T, sinh ngày 07/8/1996 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết quan hệ về con chung.

- Về tài sản chung: Bà Võ Thị N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Võ Thị N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về nợ chung.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn 300.000 đồng, bà Võ Thị N phải có nghĩa vụ nộp, và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Võ Thị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0057583 ngày 11/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức (nay là: Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Võ Thị N đã thi hành xong nghĩa vụ đóng tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Võ Thị N và ông Nguyễn Thế L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện KSND thành phố Thủ Đức, Tp.HCM;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức, Tp.HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Minh

